

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-PT
Ngày 07-4-2022
V/v tranh chấp về chia tài sản sau khi
ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân Thúy

Các Thẩm phán: Ông Lương Ngọc D;

Ông Nguyễn Quốc Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 22/2021/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2021 về việc tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn.

Do Bản án **hôn nhân và gia đình** sơ thẩm số 24/2021/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 265/2021/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 384/2021/QĐ-PT ngày 30 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th; nơi cư trú: Số 4/369 Đằng Hải, Tổ dân phố 2 khu Lũng Đông, phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Tạ Ngọc Bảo
- Luật sư Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Bảo Anh thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Vũ Mạnh D; nơi cư trú: Thôn Sâm Linh, xã Minh Tân, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:* Ông Vũ Văn Quang và bà Nguyễn Thị Động; nơi cư trú: Thôn Sâm Linh, xã Minh Tân, huyện Kiên Thụy, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Anh Vũ Mạnh D, là bị đơn và ông Vũ Văn Quang, bà Nguyễn Thị Động, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:*

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Th trình bày: Chị và anh Vũ Mạnh D ly hôn vào năm 2018 tại Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh D tạo dựng được khối tài sản chung là nhà đất tại số 4/369 Đằng Hải, tổ dân phố số 2, khu Lũng Đông, phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Nhà đất này có nguồn gốc do chị và anh D nhận chuyển nhượng của ông Bùi Văn Dương và bà Trần Thị Sinh vào năm 2008 với giá 140.000.000 đồng. Tuy nhiên, vì khi đó chị vừa sinh con đầu lòng nên thủ tục chuyển nhượng nhà đất do anh D và bố đẻ của anh D là ông Vũ Văn Quang thực hiện. Do thửa đất là đất nông nghiệp, chưa được chuyển đổi mục đích sử dụng đất và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên khi chuyển nhượng, các bên chỉ lập hợp đồng viết tay, không có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

Tại thời điểm các bên xác lập hợp đồng, chị không biết người đứng tên trong hợp đồng chuyển nhượng là ông Vũ Văn Quang, sau này chị mới được bà Nguyễn Thị Động (là mẹ đẻ của anh D) cho biết do năm 2008 anh D không được tuổi nên ông Quang đã đứng tên ký hợp đồng chuyển nhượng nhà đất viết tay nêu trên nhưng số tiền chuyển nhượng nhà đất là của chị và anh D. Điều này được anh D thừa nhận tại bản kê khai tài sản do chính tay anh D viết vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và tại buổi làm việc hòa giải mâu thuẫn giữa chị và anh D tại đơn vị nơi chị và anh D công tác vào ngày 26 tháng 4 năm 2018. Từ khi nhận chuyển nhượng nhà đất cho đến khi chị và anh D ly hôn vào năm 2018, chị và anh D là người trực tiếp sinh sống trên đất và nộp tiền thuế đất cho địa phương.

Khi chị và anh D ly hôn, Tòa án chưa xem xét, giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng. Vì vậy, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản sau khi ly hôn, giao toàn bộ nhà đất tại địa chỉ số 4/369 Đằng Hải, tổ dân phố số 2, khu Lũng Đông, phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng cho chị sở hữu, sử dụng; chị sẽ có trách nhiệm thanh toán cho anh D % giá trị tài sản theo kết quả định giá của Hội đồng định giá. Chị đề nghị Tòa án bác yêu cầu độc lập của ông Vũ Văn Quang và bà Nguyễn Thị Động về việc buộc chị phải trả lại ông Quang và bà Động nhà đất trên.

Bị đơn là anh Vũ Mạnh D trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Th kết hôn vào năm 2007. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại số 4/369 Đằng Hải, tổ dân phố

số 2, khu Lũng Đông, phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Nhà đất này có nguồn gốc là do bố mẹ đẻ của anh là ông Vũ Văn Quang và bà Nguyễn Thị Động nhận chuyển nhượng của ông Bùi Văn Dương và bà Trần Thị Sinh vào năm 2008, sau đó cho anh và chị Th ở nhờ. Đây là tài sản của ông Quang và bà Động, không phải là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa anh và chị Th. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của chị Th về việc chia tài sản sau khi ly hôn; đồng thời chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Quang và bà Động về việc buộc chị Th phải trả lại cho ông Quang và bà Động nhà đất trên. Đối với tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của anh và chị Th là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, anh tạm để lại cho chị Th sử dụng, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là ông Vũ Văn Quang và bà Nguyễn Thị Động thống nhất trình bày: Nhà đất tại số 4/369 Đằng Hải, tổ dân phố số 2, khu Lũng Đông, phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng có nguồn gốc là do ông bà Vũ Văn Quang và Nguyễn Thị Động nhận chuyển nhượng của ông Bùi Văn Dương và bà Trần Thị Sinh vào năm 2008 với giá 140.000.000 đồng, khi đó trên đất có một căn nhà cấp 4. Hiện tại, diện tích đất trên vẫn là đất nông nghiệp, chưa được chuyển đích sử dụng đất và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì khi đó đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên giữa ông bà và vợ chồng ông Dương, bà Sinh chỉ làm hợp đồng viết tay, ông Quang là người đứng tên trong hợp đồng chuyển nhượng nhà đất, đồng thời cũng là người trực tiếp giao số tiền 140.000.000 đồng cho ông Dương. Sau khi nhận chuyển nhượng nhà đất trên, do thời điểm đó anh D và chị Th vừa kết hôn, chưa có nơi ở nên ông bà đã cho anh D và chị Th ở nhờ trên nhà đất này. Từ khi sinh sống trên nhà đất cho đến khi ly hôn, anh D và chị Th là người nộp tiền thuế đất vì anh chị là người trực tiếp sinh sống trên đất. Nay, anh D và chị Th đã ly hôn, chị Th không có quyền tiếp tục ở lại trên nhà đất của ông bà. Vì vậy, ông bà đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản sau khi ly hôn của chị Nguyễn Thị Th, đồng thời buộc chị Th phải trả lại nhà đất trên cho ông bà.

Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Hải An: Thửa đất đang tranh chấp có diện tích 76,3m², kích thước cụ thể như sau: Phía giáp ngõ đi chung dài 4,04m; phía giáp nhà ông Mạnh dài 18,9m; phía giáp nhà bà Thắm dài 18,9m; phía giáp nhà bà Lý dài 4,04m. Trên đất có một ngôi nhà cấp 4 kích thước 8,4m x 4,04m, lợp tôn mạ màu, đóng trần nhựa, tường xây gạch chỉ 110; phần sân có kích thước 10,5m x 4,04m, tường bao sân xây gạch 110, phần lợp tôn mạ màu có kích thước 5,7m x 4,04m; phần cổng có bố trụ, trụ cổng kích thước 2,2m x 0,35m x 0,35m; cổng sắt hộp hai cánh, kích thước mỗi cánh là 02m x 1,2m.

Theo Biên bản định giá tài sản ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản quận Hải An: Quyền sử dụng đất có giá trị: 140.000đ/1m² x 76,3m² = 10.682.000 đồng. Toàn bộ tài sản gắn liền với đất có giá trị (làm tròn): 41.402.000 đồng. Tổng giá trị tài sản (làm tròn): 52.084.000 đồng.

Tại Công văn số 02/CV-HĐĐG ngày 07 tháng 6 năm 2021, Hội đồng định giá tài sản quận Hải An có ý kiến: Khu vực có thửa đất nông nghiệp nêu trên

(thửa đất đang có tranh chấp tại địa chỉ số 4/369 Đằng Hải, tổ dân phố số 2, khu Lũng Đông, phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng) hiện nay chưa có giao dịch đối với đất nông nghiệp nên Hội đồng định giá không có căn cứ để xác định giá đất thị trường đối với thửa đất trên.

** Tại Bản án **hôn nhân và gia đình** sơ thẩm số 24/2021/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng đã tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th: Chia cho chị Nguyễn Thị Th được quyền sở hữu, sử dụng nhà đất tại địa chỉ số 4/369 Đằng Hải, tổ dân phố số 2, phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng (là một phần của thửa đất số 82, tờ bản đồ số 09).

Chị Nguyễn Thị Th có trách nhiệm thanh toán cho anh Vũ Mạnh D số tiền là 70.000.000 (bảy mươi triệu đồng).

2. Đối với các tài sản chung khác là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

3. Bác yêu cầu độc lập của ông Vũ Văn Quang và bà Nguyễn Thị Động về việc buộc chị Nguyễn Thị Th phải trả lại ông Vũ Văn Quang và bà Nguyễn Thị Động nhà đất tại số 4/369 Đằng Hải, tổ dân phố số 2, phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06 tháng 7 năm 2021, ông Vũ Văn Quang, bà Nguyễn Thị Động và ngày 05 tháng 10 năm 2021, anh Vũ Mạnh D có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Quang và bà Động hoặc hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do vi phạm tố tụng.

Tại Quyết định chấp nhận việc kháng cáo quá hạn số 03/2021/QĐ-PT ngày 29 tháng 10 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã chấp nhận kháng cáo quá hạn của anh Vũ Mạnh D.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đã nêu trên, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo và sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì nhà và đất là tài sản của ông Quang và bà Động, không phải tài sản chung của anh D và chị Th.

Ông Vũ Văn Quang, bà Nguyễn Thị Động và anh Vũ Mạnh D thống nhất trình bày: Nguồn gốc tiền nhận chuyển nhượng thửa đất là tiền tiết kiệm của ông Quang, bà Động. Khi thanh toán tiền, ông Quang là người trực tiếp giao dịch với ông Bùi Văn Dương, bà Trần Thị Sinh và lập văn bản viết tay như hợp đồng đặt cọc ngày 21 tháng 11 năm 2008, hợp đồng chuyển nhượng đề tháng 12 năm 2008,

sau này các bên đã lập Vi bằng ngày 22 tháng 4 năm 2021. Tại phiên tòa, ông Quang và bà Động đề nghị tặng cho các con của anh D và chị Th toàn bộ tài sản này. Anh D, chị Th không đồng ý. Anh D cho rằng, thời điểm này chưa thích hợp để tặng cho các con anh vì các cháu còn nhỏ, nếu người giám hộ là anh và chị Th, anh không đồng ý. Chị Th không đồng ý vì đây là tài sản chung của anh D và chị, không phải của ông Quang, bà Động, nếu anh D đồng ý tặng cho các con thì chị đồng ý. Trường hợp thỏa thuận phân chia tài sản chung, nếu giao cho chị quản lý, sử dụng nhà, đất, chị đồng ý thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản như anh D nêu là 500 triệu đồng cho anh D, chị có quyền quản lý, sử dụng nhà đất. Trường hợp không thỏa thuận được, chị đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến như sau:*

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã chấp hành đúng các quy định trong quá trình tiến hành tố tụng; các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kháng cáo đối với Bản án số 24/2021/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng của ông Vũ Văn Quang, bà Nguyễn Thị Động và anh Vũ Mạnh D đã được Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng chấp nhận kháng cáo quá hạn nên theo quy định tại các điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền kháng cáo, đơn và thời hạn kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét kháng cáo.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 24/2021/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Anh D phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật; ông Quang và bà Động được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn có kháng cáo nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Xét thủ tục kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là **ông Vũ Văn Quang, bà Nguyễn Thị Động** trong thời hạn luật định và bị đơn là anh Vũ

Mạnh D kháng cáo quá hạn nhưng đã được Tòa án chấp nhận nên được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

- Về nội dung:

[3] Xét nội dung kháng cáo của ông Quang, bà Động và anh D có nội dung giống nhau nên được xem xét chung: Anh D và ông Quang, bà Động cho rằng nhà đất nói trên không phải là tài sản chung vợ chồng anh D, chị Th mà thuộc tài sản của ông Quang, bà Động nên đề nghị sửa bản án sơ thẩm. Nếu cấp phúc thẩm không sửa bản án theo hướng bác đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th thì hủy bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng, không tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh D theo đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về tố tụng:

Anh D và ông Quang, bà Động kháng cáo cho rằng Tòa án sơ thẩm không tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh D theo quy định vì anh D công tác tại Trường Sa, không nhận được các văn bản tố tụng. Anh D biết được việc Tòa án đang giải quyết tranh chấp giữa anh với chị Th nhưng khi được điều chuyển công tác, anh không thông báo cho Tòa án biết. Ông Quang, bà Động là bố mẹ của anh D, cũng là đương sự trong vụ án đều có mặt tại quá trình tiến hành tố tụng. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành giao văn bản tố tụng cho ông Quang, bà Động nhận thay và niêm yết tại nơi cư trú của anh D, có văn bản đề nghị đơn vị, nơi công tác của anh D gửi các văn bản tố tụng tới anh D để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Anh D cho rằng mình không biết được việc Tòa án sơ thẩm đã xét xử vụ án nhưng sau khi biết anh D đã kháng cáo, mặc dù quá hạn luật định nhưng Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã chấp nhận kháng cáo quá hạn của anh D nên quyền và lợi ích hợp pháp của anh D không bị ảnh hưởng.

Ngoài ra, bản án phúc thẩm số 08/2019/HNGĐ-PT ngày 16 tháng 4 năm 2019 và bản án phúc thẩm số 36/2020/HNGĐ-PT ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng có việc trùng thẩm phán Nguyễn Xuân Tuyến. Tuy nhiên, bản án phúc thẩm số 08/2019/HNGĐ-PT không giải quyết về vấn đề tài sản chung nên mặc dù có vi phạm tố tụng nhưng không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[3.2] Về nội dung:

[3.2.1] Căn cứ lời khai của các đương sự, kết quả xác minh tại địa phương đều thể hiện: Về nguồn gốc đất, các bên đều thống nhất là nhà đất do nhận chuyển nhượng của ông Bùi Văn Dương và bà Trần Thị Sinh với giá 140.000.000 đồng, tuy nhiên không thống nhất về nguồn gốc số tiền chuyển nhượng. Chị Th khai rằng số tiền này là tiền tiết kiệm của hai vợ chồng chị và do vay mượn. Anh D, ông Quang, bà Động cho rằng số tiền này là tiền tiết kiệm của ông Quang, bà Động.

Xét thấy, anh D đã nhiều lần thừa nhận số tiền mua nhà đất 140 triệu đồng là tiền do vợ chồng anh tích lũy và vay của hai bên gia đình nội ngoại, đồng thời nhờ bố đẻ là ông Vũ Văn Quang đứng tên hộ hai vợ chồng. Những người làm chứng đều khai anh D và chị Th là người trực tiếp đi xem nhà đất và bàn bạc việc chuyển nhượng nhà đất với ông Dương và bà Sinh qua giới thiệu của vợ chồng ông Đinh

Công Thịnh và bà Nguyễn Thị Liệu. Sau khi nhận chuyển nhượng, anh D và chị Th là người trực tiếp quản lý, sinh sống, nộp thuế hàng năm không có tranh chấp gì, ông Quang và bà Động không có ý kiến cho đến khi chị Th khởi kiện chia tài sản chung mới cho rằng nhà đất thuộc quyền sử dụng của ông Quang, bà Động. Anh D cũng đã từng tự viết bản kê khai và trình bày tại buổi làm việc có lãnh đạo đơn vị nơi anh chị công tác về tài sản chung giữa anh với chị Th trong đó có nhà, đất đang tranh chấp. Mặc dù đến nay anh D trình bày đã tự hủy bỏ bản chính bản kê khai và chữ viết “hộ” trong câu nhờ bố mẹ anh đứng tên không làm thay đổi bản chất nội dung; tại buổi làm việc với lãnh đạo đơn vị anh không ký biên bản nhưng cho thấy anh D đã thể hiện ý chí về nhà, đất là tài sản chung của anh chị và ông Quang, bà Động không có tranh chấp nếu anh chị không ly hôn và phân chia tài sản. Tại phiên tòa, ông Quang, bà Động cũng thừa nhận việc sau này ông bà gặp lại ông Dương, bà Sinh và các bên lập Vi bằng chứng thực giao dịch chuyển nhượng nhà đất vào thời điểm Tòa án đang giải quyết tranh chấp. Nay ông Quang, bà Động cũng không nhận nhà đất mà đề nghị để lại cho các con của anh D, chị Th nhưng đề nghị ông bà phải là người giám hộ cho các cháu; anh D cũng đề nghị để lại tài sản cho các con nhưng sau khi các cháu trưởng thành vì lo rằng chị Th là người trực tiếp nuôi các con và ở cùng các con thì quyền lợi sẽ bị ảnh hưởng là không có căn cứ.

Do đó, việc ông Quang, bà Động và anh D cho rằng nhà, đất là tài sản của ông Quang, bà Động, không phải thuộc quyền sử dụng của anh D, chị Th là không có cơ sở chấp nhận. Như vậy, có căn cứ xác định lời khai của chị Th về việc thời điểm nhận chuyển nhượng đất vào tháng 11 năm 2008 là thời điểm chị vừa sinh con chung đầu lòng của anh chị là cháu Vũ Ngọc Lan sinh ngày 01 tháng 11 năm 2008 nên thủ tục chuyển nhượng do anh D và ông Quang thực hiện là có cơ sở, thể hiện tại lời khai của các bên thời điểm đặt cọc vào khoảng tháng 11 năm 2008 có mặt ông Quang và anh D; sau đó thanh toán hết tiền mới lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập không ghi ngày, ghi tháng 12 năm 2008.

Từ những nhận định nêu trên, cần phải xác định diện tích đất và tài sản trên đất tranh chấp tại số 4/369 Đằng Hải, tổ dân phố số 2, phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa anh D và chị Th là có căn cứ. Diện tích đất nói trên đủ điều kiện để chuyển đổi mục đích sử dụng thành đất ở theo quy định, **nên được xem xét giải quyết chia tài sản chung sau khi ly hôn** và khi chia phải căn cứ vào nhu cầu về chỗ ở để chia hiện vật cho các bên nhằm đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

[3.2.2] Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, thửa đất đang tranh chấp có diện tích 76,3m², ngôi nhà trên đất có diện tích khoảng 34m², không đủ điều kiện để chia, tách thửa cho chị Th và anh D cùng sở hữu, sử dụng. Do chị Th hiện vẫn đang quản lý, sử dụng nhà đất nói trên và là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đều chưa thành niên, các cháu đang học tập tại khu vực nội thành và sinh sống cùng chị Th tại đây. Do vậy, bản án sơ thẩm tuyên giao nhà đất tại số 4/369 Đằng Hải cho chị Nguyễn Thị Th quản lý, sở hữu, sử dụng đảm bảo nguyên tắc khi chia tài sản sau khi ly hôn phải xem xét bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ và con chưa thành niên, cần ưu tiên bên nuôi con được nhận nhà để đảm bảo duy

trì, ổn định chỗ ở, cuộc sống ổn định cho các con chung của anh chị. Đồng thời chị Th có trách nhiệm thanh toán cho anh D 70 triệu đồng bằng $\frac{1}{2}$ giá trị nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là cao hơn giá trị quyền sử dụng đất theo kết quả định giá là phù hợp phù hợp và có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Vũ Văn Quang, bà Nguyễn Thị Động và anh Vũ Mạnh D về việc đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Vũ Văn Quang, bà Nguyễn Thị Động, buộc chị Nguyễn Thị Th phải trả lại ông bà nhà đất trên. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 24/2021/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Về án phí:

[5] Ông Vũ Văn Quang, bà Nguyễn Thị Động là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị Nguyễn Thị Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, anh Vũ Mạnh D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Các quyết định khác của các bản án sơ thẩm, phúc thẩm trước đây không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của anh Vũ Mạnh D và ông Vũ Văn Quang, bà Nguyễn Thị Động.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 24/2021/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th đối với anh Vũ Mạnh D về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn:

Chia cho chị Nguyễn Thị Th được quyền sở hữu, sử dụng nhà đất tại địa chỉ số 4/369 Đằng Hải, tổ dân phố số 2, phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng (là một phần của thửa đất số 82, tờ bản đồ số 09).

Chị Nguyễn Thị Th có trách nhiệm thanh toán cho anh Vũ Mạnh D số tiền là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Vũ Văn Quang và bà Nguyễn Thị Động về việc buộc chị Nguyễn Thị Th phải trả lại ông Vũ Văn Quang và bà Nguyễn Thị Động nhà đất tại số 4/369 Đặng Hải, tổ dân phố số 2, phường Đặng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

3. Về án phí:

3.1. Chị Nguyễn Thị Th phải nộp 1.302.000 (một triệu ba trăm lẻ hai nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị Th đã nộp 800.000 (tám trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số 0005439 ngày 07 tháng 01 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị Th còn phải nộp tiếp 502.000 (năm trăm lẻ hai nghìn) đồng.

3.2. Anh Vũ Mạnh D phải nộp 1.302.000 (một triệu ba trăm lẻ hai nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm

Anh Vũ Mạnh D phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm; nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai số 0004603 ngày 10 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng; anh Vũ Mạnh D đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3.3. Miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông Vũ Văn Quang và bà Nguyễn Thị Động. Trả lại ông Vũ Văn Quang và bà Nguyễn Thị Động 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005586 ngày 06 tháng 3 năm 2020 và biên lai số 0005586 ngày 06 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP.Hải Phòng;
- TAND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Vân Thúy